Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6806.90.00

Mã HS	6806.90.00
Mô tả hàng hóa	Sợi xỉ, bông len đá (rock wool) và các loại sợi khoáng tương tự; vermiculite nung nở, đất sét trương nở, xỉ bọt và các loại vật liệu khoáng trương nở tương tự; các hỗn hợp và các sản phẩm cách nhiệt, cách âm hoặc các vật liệu khoáng hấp thụ âm, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.12 hoặc Chương 69 / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:18:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/68069000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10184
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10184
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10184
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9680
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9631
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9631
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9631
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9631
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9631
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9631
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9683
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9683
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9683
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9683

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9683
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9683
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9684
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9684
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9684
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9684
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9684
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9684
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9685
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9637
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9643
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9643
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9643
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9643
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9643
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9643
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9668
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9668
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9668
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9668
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9668
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9668
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9715
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9715
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9715
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9715

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9715
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9715
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9694
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9694
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9694
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9694
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9694
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9694
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9706
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9706
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9706
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9706
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9706
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9706
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D9717
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E9717
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F9717
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9717
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9717
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9717
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D9716
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E9716
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F9716
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9716
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9716
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9716

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9663
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9663
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9663
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9663
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9663
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9663
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9663
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9700
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9700
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9700
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9700
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9700
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9700
RCEP B	2022	2022	0	B!D9700
RCEP B	2023	2023	0	B!E9700
RCEP B	2024	2024	0	B!F9700
RCEP B	2025	2025	0	B!G9700
RCEP B	2026	2026	0	B!H9700
RCEP B	2027	2027	0	B!I9700
RCEP C	2022	2022	0	C!D9700
RCEP C	2023	2023	0	C!E9700
RCEP C	2024	2024	0	C!F9700
RCEP C	2025	2025	0	C!G9700
RCEP C	2026	2026	0	C!H9700
RCEP C	2027	2027	0	C!I9700
RCEP D	2022	2022	0	D!D9699

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9699
RCEP D	2024	2024	0	D!F9699
RCEP D	2025	2025	0	D!G9699
RCEP D	2026	2026	0	D!H9699
RCEP D	2027	2027	0	D!I9699
RCEP E	2022	2022	0	E!D9703
RCEP E	2023	2023	0	E!E9703
RCEP E	2024	2024	0	E!F9703
RCEP E	2025	2025	0	E!G9703
RCEP E	2026	2026	0	E!H9703
RCEP E	2027	2027	0	E!I9703
RCEP F	2022	2022	0	F!D9700
RCEP F	2023	2023	0	F!E9700
RCEP F	2024	2024	0	F!F9700
RCEP F	2025	2025	0	F!G9700
RCEP F	2026	2026	0	F!H9700
RCEP F	2027	2027	0	F!I9700
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F8974
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G8974
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H8974
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I8974

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6806.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 6806.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10184), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.